

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 02 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Vinh.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim P, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số Y, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Lê Thị Kim P có mặt, anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 12/7/2012. Hôn nhân giữa chị P và anh T được xây dựng trên cơ sở tự quen biết tìm hiểu và kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình

cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Nay chị Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị P, anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 20/9/2012 (Hiện nay cháu L đang sống chung với chị P). Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất, anh T và chị P kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 12/7/2012. Hôn nhân giữa anh T và chị P được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong các quyết định về gia đình, công việc và tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P không còn, anh T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được với chị P.

Nay anh Nguyễn Văn T thống nhất ly hôn với chị Lê Thị Kim P.

Về con chung: Anh T thống nhất, trong thời gian chung sống giữa anh T và chị P có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 20/9/2012 (Hiện nay cháu L đang sống chung với chị P). Sau khi ly hôn anh T thống nhất giao con chung cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 (Bản chính); Giấy khai sinh của chị Lê Thị Kim P (Bản sao); Trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Thị Thúy L (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản photo); Công cước công dân (Bản photo); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện ngày 09/11/2021 (Bản chính); Bản khai của chị Lê Thị Kim P (Bản chính); Bản khai của Nguyễn Thị Thúy L (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là

“*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Xét thấy, trong quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm nhau, thương yêu và quý trọng nhau, cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 20/9/2012 hiện đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, kể từ khi ly thân chị P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Mặt khác, chị P hiện nay có việc làm ổn định có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo bản khai ngày 31/12/2021 cháu L có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, giao con chung cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị Lê Thị Kim P không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Kim P phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim P.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 20/9/2012 cho chị Lê Thị Kim P được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị P không yêu cầu.

Chị P và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001313 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị P đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa